

## KIẾN TRÚC NHÀ CỔ TRUYỀN CỦA NGƯỜI THÁI Ở THANH HÓA TRONG SỰ SO SÁNH VỚI NGƯỜI THÁI Ở TÂY BẮC

MAI THỊ HỒNG HẢI

Cho đến nay ở Việt Nam, việc nghiên cứu về người Thái ở vùng núi Bắc Trung Bộ (Thanh Hóa, Nghệ An) đã đạt được nhiều kết quả. Nhiều vấn đề về tên gọi, lịch sử cư trú, đặc trưng văn hóa truyền thống của người Thái ở khu vực này đã được làm sáng tỏ. Có thể kể đến một số công trình nghiên cứu tiêu biểu như: *Vài nét về quan hệ xã hội của người Thái ở Mường Ca Da (Thanh Hóa)* (Lê Sỹ Giáo, 1979); *Lần tìm cội nguồn lịch sử người Thái Thanh Hóa* (Lê Sỹ Giáo, 1995); *Về tên gọi và lịch sử cư trú của các nhóm Thái ở miền Tây Nghệ An* (Vi Văn An, 1998); *Sự phân loại các nhóm Thái ở các tỉnh Thanh Hóa và Nghệ An* (Lê Sỹ Giáo, 2000); *Văn hóa vật chất của người Thái ở Thanh Hóa và Nghệ An* (Vi Văn Biên, 2006); *Trở lại vấn đề tên gọi và lịch sử cư trú của người Thái ở miền núi Thanh Hóa* (Vũ Trường Giang, 2010)... Tiếp thu thành tựu nghiên cứu của những người đi trước và dựa trên những cứ liệu khảo sát thực tế về nhà ở của người Thái ở hai vùng Thanh Hóa và Tây Bắc, trong bài viết này chúng tôi chỉ muốn nêu lên những nhận xét về kiến trúc nhà cổ truyền của người Thái ở hai vùng Thanh Hóa và Tây Bắc như là những cứ liệu khoa học về sắc thái riêng trong nhà ở của người Thái ở hai địa phương, hai vùng văn hóa trong tổng thể văn hóa Thái ở Việt Nam. Nghiên cứu

này được tiến hành tại hai bản của người Thái ở Thanh Hóa và hai bản của người Thái ở vùng Tây Bắc<sup>1</sup>.

### 1. Thông tin chung về địa bàn nghiên cứu

Người Thái ở Tây Bắc có hai nhóm Thái đen (cư trú chủ yếu ở tỉnh Sơn La) và Thái trắng (cư trú chủ yếu ở tỉnh Lai Châu). Còn người Thái ở Thanh Hóa không có sự phân biệt rạch ròi giữa Thái đen và Thái trắng như ở Tây Bắc, mà chỉ có hai nhóm tự gọi là Tày Dọ, Tày Mười. Điểm nổi bật trong cách gọi tên của người Thái ở Thanh Hóa là thường gọi theo địa danh các mường nơi họ ở, chẳng hạn như: *Tày Xia, Tày Mìn, Tày Hạ, Tày Ca Da, Tày Khoòng...* Người Thái ở vùng miền núi Thanh Hóa, khi gặp nhau, họ thường hỏi nhau, ví dụ như: “*Tán Tày mường lờ?*” (Ngài Thái mường nào?); nếu họ ở mường Ca Da thì sẽ trả lời: “*Khói Tày mường Ca Da*” (Tôi Thái mường Ca Da)... Nhưng trong giao tiếp dân dã, cả người hỏi và người trả lời thường lược bỏ từ “mường” để chỉ rút gọn lại còn: “*Tán Tày lờ?*” (Ngài Thái nào), trả lời: “*Khói Tày Ca Da*” (Tôi Thái Ca Da)... Qua đối thoại như vậy thì hai bên hiểu là người Thái ở Mường

<sup>1</sup> Nghiên cứu này được tài trợ bởi Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia (NAFOSTED) trong đề tài mã số: IV1.3-2010.09 (05-SH, KCH, DTH).

Ca Da. Còn nếu cần thiết phải hỏi thuộc về nhóm Thái nào (Thái đen hay Thái trắng), thì đồng bào hỏi nhau: “*Tán Phu Tày lơ?*”, trả lời: “*Khỏi Phu Tày Dọ*” (Tôi người Thái Dọ) hoặc “*Khỏi Phu Tày Mươi*” (Tôi người Thái Mươi), như vậy người hỏi đã biết người trả lời mình là Tày Dọ (Thái trắng) hoặc là Tày Mươi (Thái đen). Về tên gọi Tày Mươi (Tày Mươi), người Thái ở Thanh Hóa giải thích: Mươi hay Mươi, tiếng Thái chỉ con gấu, con gấu có màu đen. Theo lời kể của các cụ Vi Văn Vươn, 92 tuổi ở bản Bon xã Mường Mìn, cụ Phạm Bá Quyết, 96 tuổi ở bản Luốc Làu, xã Mường Mìn kể lại giai thoại người Thái của địa phương tự nhận Tày Mươi là do trang phục của đàn ông Thái ở đây ngày xưa mặc toàn màu đen, trang phục phụ nữ cũng dùng nhiều màu đen (váy, áo, khăn màu đen) giống màu đen của con gấu, nên đồng bào nói vui mình là con gấu (*Tô Mươi*, có nơi phát âm chệch là *Tô Mươi*), lâu ngày thành quen tự nhận mình là Tày Mươi (Tày Mươi). Nhóm Tày Dọ tập trung đông nhất ở huyện Thường Xuân. Nhóm Tày Mươi có số lượng dân cư đông ở các huyện như Quan Hóa, Quan Sơn, Lang Chánh, Bá Thước. Bởi vậy, huyện Thường Xuân được chọn làm đại diện cho nhóm Tày Dọ và Quan Sơn được chọn đại diện cho nhóm Tày Mươi ở vùng miền núi Thanh Hóa.

Điểm khảo sát của chúng tôi là ở một số bản: ở vùng Tây Bắc, có Mường La (thành phố Sơn La ngày nay) và bản Cọ đại diện cho nhóm Thái đen (tỉnh Sơn La); Mường So (huyện Phong Thổ ngày nay) và bản Văng Kheo đại diện cho nhóm Thái trắng (tỉnh Lai Châu). Tại tỉnh Thanh Hóa,

Mường Trịnh Vạn (thuộc huyện Thường Xuân ngày nay) và bản Lệ Tà đại diện cho nhóm Tày Dọ; Mường Mìn (xã Mường Mìn, huyện Quan Sơn ngày nay) và bản Yên đại diện cho nhóm Tày Mươi.

### 1.1. Tại tỉnh Thanh Hóa

#### 1.1.1. Bản Yên, xã Mường Mìn, huyện Quan Sơn

Bản Yên, xã Mường Mìn, huyện Quan Sơn cách trung tâm xã 6 km, cách trung tâm huyện 42km. Bản nằm ở thượng nguồn suối Yên, một suối lớn bắt nguồn từ phía Tây Nam. Theo số liệu thống kê của UBND xã Mường Mìn năm 2011, bản Yên có 110 hộ với 562 nhân khẩu, gồm ba dân tộc anh em cùng chung sống là Thái, Mường, Kinh, trong đó, người Thái - 101 hộ, 523 nhân khẩu chiếm 94% dân số của bản; người Mường - 8 hộ, 36 nhân khẩu; người Kinh - 1 hộ, 3 nhân khẩu. Bản Yên tọa lạc trên một khu đồi tương đối bằng phẳng với diện tích 23,1ha; trước mặt bản là ruộng nước, phía trên khu ruộng là rừng trồng, rừng tự nhiên bạt ngàn xanh mướt.

Bản Yên ngày nay thuộc Mường Mìn trước đây, thời phong kiến gọi là Pọng Yên gồm 5 bản là: Huổi Hặc, Ta Bán, Huổi Xứng, Na Ón. Người Thái ở bản Yên từ xa xưa chủ yếu di cư từ Tây Bắc đến. Lời thần cúng ruộng của bản có đoạn kể rằng: “...*Tạo Mường Mộc mà tóng cộc phách tấp tó lạy ệt nà. Tạo Mường So, Mường Lò mà tằm pén tạng, pục pén khần, khựt pén hời...*” (Tạm dịch: Ông Mường Mộc về đào bụi lách to như chồi lúa làm ruộng. Ông Mường So, Mường Lò về mọc thành rãnh, đắp thành bờ, đào thành thửa...).

### 1.1.2. Bản Lệ Tà, xã Xuân Lệ, huyện Thường Xuân

Bản Lệ Tà cách trung tâm xã Xuân Lệ hơn 1km về phía Bắc, cách trung tâm huyện Thường Xuân gần 30km về phía Tây, cách Thành phố Thanh Hoá gần 90km về phía Tây. Bản có 104 hộ, 514 nhân khẩu, trong đó người Thái - 103 hộ, 509 khẩu, chiếm 99% dân số của bản; người Kinh - 1 hộ, 5 nhân khẩu. Bản Lệ Tà, xã Xuân Lệ thuộc mừng Trinh Vạn xưa, là một mừng cổ - mừng lớn của người Thái ở Thanh Hóa. Ông Cầm Bá Hoàn (54 tuổi ở bản Lệ Tà) cho biết, ông cha xưa kể lại, người Thái ở đây tự nhận là Tày Dọ, nhưng đồng bào Thái ở đây có thể nói được tiếng Thái trắng (Tày Dọ) và tiếng Thái đen (Tày Mười). Cơ cấu kinh tế của bản Lệ Tà là lâm - nông nghiệp. Trước thập kỷ 90 của thế kỷ XX, xã Xuân Lệ nói chung, bản Lệ Tà nói riêng là quê hương của Quê Châu Thường nổi tiếng khắp vùng. Trên địa bàn của bản, suối Cái và suối Lệ chảy hiền hoà quanh năm là nguồn nước dồi dào phục vụ sản xuất và đời sống của người dân bản Lệ Tà.

### 1.2. Tại tỉnh Sơn La

*Bản Cọ, phường Chiềng An, thành phố Sơn La (Mường La xưa)*

Mường La, tên ngày xưa là Mừng Chiềng An, có từ lâu đời, do Lạng Chượng đặt tên. Đất Mừng Chiềng An xưa gồm có bốn *xống* (mỗi *xống* to hơn phạm vi một xã hiện nay) gọi là Xống Pằn, Xống Pọng, Xống Ho Luông, Xống Lam Ho. Mường La là nơi đóng đô của châu Mường La ngày xưa bao gồm các mừng xung quanh, hay còn gọi là mừng bên ngoài, gồm có 8 mừng: Mừng Bằng, Mừng Bú, Mừng Chùm,

Mường Trai, Ít Ong, Mừng Chiền, Mừng Pia và Mừng La là trung tâm. Người dân Mừng La xưa chủ yếu sinh sống dựa vào canh tác lúa nước. Cánh đồng lớn nhất của Mừng La xưa là *Tóng Chiềng Cầm* (nghĩa là cánh đồng vàng) thuộc Xống Lam Ho, chuyên lo cúng lễ cho cả mừng và họ tạo, được cấp ruộng công để sinh sống hàng năm. Ngày nay cánh đồng này ở giữa trung tâm thành phố Sơn La, nhưng đã bị lấn chiếm làm nhà nhiều.

Bản Cọ có cách đây hơn ba trăm năm, chỉ có ba mươi hộ sinh sống, đến nay đã có 447 hộ, trên hai ngàn người. Bản nằm ở phía Đông phường Chiềng An, phía Bắc giáp bản Hải, phía Tây và Nam giáp phường Chiềng Lè, phía Đông giáp xã Chiềng Ngần và phường Quyết Thắng. Diện tích tự nhiên trước đây của bản có trên 66ha, nay theo thống kê của bản chỉ còn 15,4ha vì quá trình đô thị hoá. Trong bản có họ Lù là đông nhất, tiếp đến là họ Lò, Tòng, Quàng, Cà. Hiện nay bản Cọ còn giữ được khá nhiều phong tục tập quán mang đậm sắc thái văn hóa tộc người như: Lễ *pạt tổng* 10 ngày một lần (họ Lù là ngày Nhâm, họ Lò nhỏ là ngày Bính, họ Lò to là ngày Tân, họ Tòng là ngày Đinh, họ Quàng là ngày Kỷ, họ Cà là ngày Quý); lễ *Xên hươn*; lễ *tặng cầu*...

### 1.3. Tại tỉnh Lai Châu

1.3.1. *Bản Văng Kheo, xã Mừng So, huyện Phong Thổ ngày nay và Mừng So xưa*

Mừng So xưa, huyện Phong Thổ ngày nay là một huyện vùng biên giới nằm ở phía Tây Bắc của tỉnh Lai Châu. Phía Đông giáp huyện Tam Đường, phía Nam giáp huyện Sìn Hồ. Phía Tây giáp huyện Kim Bình, tỉnh Vân Nam (Trung Quốc), phía Bắc giáp tỉnh

Lào Cai. Huyện có diện tích tự nhiên là 103.460,54ha, địa hình chủ yếu là núi cao, nhiều khe suối nhỏ chia cắt, có đường biên giới với Trung Quốc 98,95km. Xã Mường So là trung tâm châu lỵ Mường So ngày xưa, có cánh đồng Mường So rộng trên 100ha, diện tích tự nhiên có 3529,8ha, gồm có 11 bản. Dân số hiện nay là 1.296 hộ, 4.878 người, trong đó người Thái chiếm 75%, người Kinh - 20%, người Giáy - 5%, còn lại là dân tộc khác. Mường So là mường của người Thái trắng cổ xưa nhất, cai quản cả vùng rộng lớn phía Bắc của Tây Bắc. Hiện nay, Mường So chỉ còn lại là tên xã, huyện đã có tên là Phong Thổ. Hầu hết, các địa danh ở mường đều lấy tên là So: Mường So, cánh đồng Mường So, suối Nặm So, núi cao nhất cũng là núi Mường So... Ở Mường So, họ Đèo, họ Vàng, họ Vương là họ của quý tộc Thái trắng. Người Thái trắng ở Mường So lâu đời nhất, hiện nay vẫn còn lưu giữ được nhiều phong tục tập quán cổ xưa. Bản Vãng Kheo là bản trung tâm của xã Mường So. Tên bản Vãng Kheo theo nghĩa tiếng Thái là vùng nước xanh. Bản nằm ngay cạnh suối Mường So, số dân trong bản 100% là người Thái.

## 2. Một số nét đặc trưng về kiến trúc nhà cổ truyền của người Thái ở Thanh Hóa

Điểm giống nhau trong tiến trình phát triển về kiến trúc nhà cổ truyền của người Thái ở Thanh Hóa, bao gồm cả hai nhóm Tày Dọ và Tày Mươi là đều có bốn kiểu dạng nhà sau:

*Dạng đầu tiên*, cổ xưa nhất là nhà sàn cột tròn chôn, có chựa để đặt đà dầm dọc, xà dọc vắt trên đầu cột, xà ngang vắt trên đầu xà dọc. Ngôi nhà được làm từ các bộ phận

rời nhau, khi dựng nhà, việc trước tiên là chôn cột và các cột được chôn lần lượt, mái nhà lợp bằng tranh, được làm rời, sau đó úp lên bộ hàng khung cột đã chôn dựng sẵn rồi buộc chặt mái vào. Người Thái ở Thanh Hóa gọi kiểu nhà cổ nhất này là *hươn sáu phăng xơ ka lư*.

*Dạng thứ hai*, bắt đầu đánh dấu sự tiến bộ của kỹ thuật dựng nhà là nhà sàn cột tròn chôn, có lỗ đục, đà dọc dầm luôn cột, xà dọc trên vắt đầu cột, xà ngang vắt trên xà dọc. Ngôi nhà cũng được làm từ bộ phận rời nhau, nhưng đã được lắp nối với nhau. Các cột chôn bằng gỗ tốt chịu được ẩm, chống được mối. Người Thái ở Thanh Hóa gọi kiểu nhà này là *hươn sáu phăng khư pát*.

Cùng với thời gian, ngôi nhà sàn cổ truyền của người Thái ở Thanh Hóa cũng có sự biến đổi với *dạng thứ ba* là nhà sàn cột tròn kê tầng, đục mộng (*ping*) đà dầm dọc luôn cột, xà dọc trên vắt qua đầu cột, xà ngang trên vắt trên xà dọc. Người Thái ở Thanh Hóa gọi kiểu nhà này là *hươn kê khư pát*. Dạng nhà này đã bắt đầu xuất hiện những yếu tố kỹ thuật để chuẩn bị cho sự ra đời kiểu nhà có vì kèo.

*Dạng thứ tư* là nhà sàn cột tròn hoặc vuông kê tầng, đà dầm dọc luôn cột, dầm ngang có một cái luôn cột, xà ngang tầng trên thắt vào đầu cột tạo thành từng vì khi dựng. Người Thái ở Thanh Hóa gọi kiểu nhà này là *hươn kê khư hặt*. Đây là kiểu nhà sàn có vì kèo với ưu điểm là vững chãi hơn kiểu nhà xà dọc vắt qua đầu cột. Kiểu nhà này xuất hiện khoảng từ thập kỷ 70 của thế kỷ XX ở vùng Mường Mìn, huyện Quan Sơn, sau đó lan sang các vùng khác của người Thái ở Thanh Hóa. Hiện tại, kiểu nhà này

đang phổ biến nhất còn kiểu nhà sàn cổ xưa hầu như gần vắng bóng.

Nhà sàn truyền thống bao giờ cũng có hai cầu thang, cầu thang phía trước thường dành cho khách, những người đàn ông đi lên nhà; còn cầu thang phía sau dành cho phụ nữ trong gia đình. Số bậc cầu thang bắt buộc phải là số lẻ (5, 7, 9, 11), tổng số cửa ra vào và cửa sổ của nhà sàn cũng phải là số lẻ bởi người Thái quan niệm rằng số lẻ theo quy luật vào - ra - vào thì cửa cái sẽ không đi ra ngoài, gia đình sẽ luôn được êm ấm, đoàn tụ, con cháu thành đạt... Tùy theo quy mô lớn hay nhỏ của nhà sàn mà số lượng các cửa trong nhà sàn nhiều hay ít. Như vậy, cho đến nay, người Thái ở Thanh Hóa có bốn kiểu nhà sàn tự thiết kế. Trong bốn kiểu nhà trên thì ba kiểu đầu có ba hàng cột là hai hàng cột cái hai bên từ tầng một đến tầng nóc, một hàng cột ngắn đỡ giữa sàn. Kiểu nhà có vì, thường có bốn hoặc năm hàng cột, gồm hai hàng cột cái hai bên từ tầng một đến tầng nóc, một hàng cột ngắn đỡ giữa sàn, ngoài ra thêm một hoặc hai hàng cột hiên theo sở thích của gia chủ. Nhà sàn cổ của người Thái ít khi làm hè (thưng ra ngoài cột cái). Trước đây chỉ có nhà Tạo, nhà quan mới làm hè ở phía cầu thang lên. Hiện nay, nhà sàn kiểu mới của người Thái hầu như đều làm hè ở phía cầu thang lên, có nhà còn làm hè đi lại xung quanh nhà.

Tập quán bố trí, sắp xếp trong ngôi nhà sàn cổ truyền của người Tày Dọ và Tày Mười ở Thanh Hóa về cơ bản là giống nhau. Nhà sàn người Tày Dọ có các gian thường đều nhau. Gian trong cùng thưng vào sát cột, gian ngoài thưng ra ngoài cột khoảng 1,5m tạo cho gian ngoài rộng hơn các gian trong. Ở vách thưng (*phà khăn*) làm cửa đi vào các

gian trong. Các gian trong được ngăn nửa phía đầu xà ngang từng gian riêng biệt có cửa vào gọi là "*xuóm*". Gian ngoài để tiếp khách nam và nam giới trong nhà ở. Gian thứ hai để bố mẹ hoặc vợ chồng anh chị cả ngủ. Góc phía trên để bàn thờ tổ tiên, nếu không có bàn thờ lớn thì làm bàn thờ nhỏ treo lên gần xà ngang giáp *phà khăn*. Cột thứ hai hàng đầu xà (tính từ gian ngoài vào) chính là cột "*sáu hóng*" (cột ma nhà). Từ gian thứ ba trở vào để cho con thứ, nếu bố mẹ còn sống thì để cho vợ chồng anh cả. Gian phía trong cùng nhất để cho con gái chưa chồng ở. Nhà sàn người Tày Mười có diện tích gian ngoài (gian khách) thường làm rộng gấp rưỡi các gian trong. Ở dưới gầm sàn gian ngoài có thêm một cột phụ chống đỡ vào dầm dọc (*ping*) nên khi ta nhìn dưới gầm sàn tường nhà năm gian nhưng khi lên sàn thì chỉ có bốn gian. Việc đặt bàn thờ cúng thì có dòng họ bao lại góc trên gian thứ hai đặt đồ thờ cúng xuống sàn. Có họ thì làm bàn thờ lên cao, thường là ở gần xà ngang của cột thứ hai tại góc đầu cạnh nơi nằm của bố mẹ hoặc vợ chồng anh cả, người Thái gọi là "*kho lọ hoóng, sáu hóng, sáu phí hườn, pàn thờ phí hườn*". Chỗ này là chỗ linh thiêng không ai được tự tiện đến nếu không phải là đến thắp hương hoặc vái lạy tổ tiên. Tất cả mọi người trong nhà, kể cả khách khi nằm không được chỉ chân về phía bàn thờ, không được nằm theo chiều xà dọc trong nhà, không nằm ngược đầu xà ngang.

Điểm khác nhau dễ nhận thấy giữa nhà cổ truyền của người Tày Dọ và Tày Mười ở Thanh Hóa là ở kiểu dáng cấu trúc mái nhà. Cấu trúc mái nhà cổ truyền của người Tày Dọ có hai mái chính (*xòng pài*) dài, hai mái phụ đầu hồi (*xong túp*) ngắn và dốc, trên nóc

hơi khum khum nhìn xa như mai rùa. Nếu chỉ nhìn vào cấu trúc mái nhà, ta sẽ thấy sự giống nhau giữa nhà người Tày Dọ với nhà của người Mường ở Thanh Hóa và gần giống với nhà của người Thái đen ở Tây Bắc, nhưng nhà người Tày Dọ không có *khau cút* trên đầu đốc mái nhà như nhà người Thái đen. Còn cấu trúc mái nhà của người Tày Mười lại có nét khác là tạo thành bốn mái rõ nét. Do vậy, nếu chỉ nhìn vào cấu trúc mái nhà, ta sẽ cảm nhận thấy có sự giống nhau giữa nhà của người Tày Mười ở Thanh Hóa với nhà của người Thái trắng ở Tây Bắc.

### 3. Một số nét đặc trưng về kiến trúc nhà cổ truyền của người Thái ở Tây Bắc

Xét về mặt kiến trúc nhà sàn trong quá trình phát triển thì nhà của người Thái đen và Thái trắng ở Tây Bắc cũng trải qua sự biến đổi chung từ dạng nhà sàn cột tròn chôn, các bộ phận trong ngôi nhà được làm tách rời gác lên nhau khi dựng nhà đến dạng nhà sàn cột kê rồi có vì kèo. Nhưng nếu như sắc thái của từng ngành Thái đen và Thái trắng ở Tây Bắc được phân biệt rất rõ ở bộ nữ phục, thì bản sắc đó cũng dễ nhận ra ở ngôi nhà cổ truyền của họ.

Nhà người Thái đen có cấu trúc mái vòm khum mai rùa, người Thái gọi là *tup cống*, hai mái chính dài, hai mái đầu hồi ngắn, nhà không có hiên, độ dốc của mái nhà thường là 65 độ trở lên để nước mưa chảy thoát nhanh. Theo tập quán, người Thái đen bố trí định vị hướng nhà theo sườn núi, ngủ gối đầu lên phía núi, chân đạp xuống chân núi, bên quản (bên thang đàn ông lên) ở phía đầu nguồn, bên chan (bên thang phụ nữ lên) ở phía cuối nguồn sông suối. Trên

đốc mái nhà người Thái đen có biểu tượng *khau cút*. Trong xã hội truyền thống, người Thái đen có quy định về các loại *khau cút* cho các thân phận sang hèn khác nhau và cũng là tương ứng với các loại nhà có quy mô to nhỏ khác nhau.

Nhà sàn có một gian chính và hai gian trái phụ, thường là người nghèo, nhà chỉ có một thang lên xuống, có hai cửa sổ phía trên và phía dưới, một cửa ra vào ở phía bên sàn, hồi phía quản bịt kín, có một bếp lửa ở chính gian giữa, trên đốc mái nhà gắn hai thanh tre hoặc gỗ bắt chéo nhau, người Thái gọi là *khau cút Bẻ*.

Nhà sàn loại trung bình, phổ biến nhất là ba gian chính và hai gian trái phụ, trên đốc mái nhà gắn *khau cút Pua*, được làm bằng hai tấm ván nhỏ, rộng 20cm, dài 2m, bắt chéo nhau, có ba hoặc năm hình tròn mặt trắng gắn phía trên. Nhà có hai bếp, hai cầu thang, cầu thang bên quản cho nam giới và bên sàn chan dành cho nữ giới, hai cửa ra vào, mỗi gian đều có hai cửa sổ, trừ gian “*cọ lọ hóng*”.

Nhà sàn loại to, có từ năm đến bảy hoặc chín gian chính, tùy theo số lượng người trong nhà. Trên đốc mái nhà gắn *khau cút lai pua*, làm bằng ván, có từ năm đến chín hoặc đến mười lăm hình tròn mặt trắng hay hoa văn hình hoa sen gắn lên phía trên. Nhà có ba bếp trở lên, thang lên xuống bằng ván hình hộp, tức là có thêm ván để chắn phía bên trong cầu thang.

Tập quán bố trí trên mặt sàn trong ngôi nhà của người Thái đen được quy định khá cụ thể. Nhà ba gian chính, hai gian hồi, tính từ phía quản sang: Gian trái (hồi) phía trên làm buồng ngủ cho con trai đến tuổi lớn

hoặc để khách hay con rể quần nằm (con rể chưa chính thức kết hôn). Gian chính thứ nhất, phía trên để làm buồng thờ tổ tiên (*cọ lọ hóng*), có treo trên cột nhà một cái nón, một cái ép<sup>2</sup>, dưới chân cột là ống nước (có thể là ống tre hoặc ống bằng quả bầu). Buồng “*cọ lọ hóng*” này chỉ có ông chủ nhà và con trai mới được vào. Khi cúng nhà thì có ông mo và người phục vụ được đến. Gian chính thứ hai: phía trên dành cho vợ chồng chủ nhà ngủ; đàn ông ngủ phía giáp “*cọ lọ hóng*”. Khoảng cách giữa gian thứ hai và thứ ba có thể trải một cái đệm để con cháu còn nhỏ ngủ bên cạnh. Phía dưới chân ngủ là bếp lửa chính của nhà để chủ nhà sưởi ấm, đồ xôi, cơm hoặc nấu nướng khi cần thiết, đồng thời là nơi tiếp khách của chủ nhà ngồi quanh bếp lửa. Trên bếp lửa bao giờ cũng có một khúc củi to cháy qua ngày đêm, không bao giờ tắt, cháy hết là cho thêm khúc củi khác thay vào. Gian chính thứ ba là gian vợ chồng con trai cả ngủ ở phía trên, phía dưới là nơi ăn cơm của toàn thể gia đình. Gian trái phía sàn: phía trên là chỗ con gái ngủ, phía dưới là bếp nấu nướng ăn hàng ngày của gia đình.

Nhà có từ ba gian chính trở lên, tính từ phía quần vào: phía trên hai gian hồi làm buồng ngủ cho con trai, con rể hoặc khách ngủ, ăn uống, chủ nhà ngồi đan lát, đan chài lưới... Nếu là người có chức quyền thì không gian phía dưới này là nơi làm việc. Gian chính thứ nhất, phía trên để làm “*cọ lọ hóng*” thờ phụng tổ tiên, phía dưới để tiếp khách. Gian chính thứ hai là vợ chồng chủ nhà nằm. Phía dưới chân ngủ là bếp chính, nhà to thì khuôn bếp phải rộng, có thể nhóm

ba bốn bếp lửa được. Gian chính thứ ba, phía trên vợ chồng và con cái người con trai cả ngủ, phía dưới là nơi ăn cơm của gia đình. Gian chính thứ tư, phía trên để vợ chồng và con cái con trai thứ hai ngủ, phía dưới có thể đặt khung dệt vải thổ cẩm, cũng có thể làm thêm một bếp chung cho cả nhà. Gian thứ năm trở lên để con gái và các cháu ngủ.

Một số các kiêng kỵ trong nhà của người Thái Đen cũng cần lưu ý như: Con dâu không được nấu nướng ở bếp chính của bố mẹ chồng, không được vào “*cọ lọ hóng*”, không được đi qua bếp chính sang phía quần, muốn sang thì phải xuống thang bên chạn, rồi leo lên thang bên quần mới được vào nhà phía quần và chỉ được đến gian hồi, không sang gian chính. Con rể khi còn ở quần (chưa chính thức kết hôn), không được qua bếp chính sang bên sàn chạn để ăn cơm, khi gặp con gái hay làm bất cứ việc gì, nếu muốn sang phải xuống thang bên quần, trèo lên thang bên chạn mới được sang.

Nếu xét ở tập quán sinh hoạt trong ngôi nhà cổ truyền thì giữa người Thái đen và Thái trắng cơ bản là giống nhau. Điểm khác nhau tạo nên sắc thái riêng về nhà cổ truyền của người Thái trắng so với người Thái đen chính là cấu trúc mái nhà người Thái trắng có hai mái cân bằng, sóng lưng nóc nhà thẳng đứng tạo độ dốc cao, 2/3 mái giống hình thang cân, còn lại 1/3 mái giống hình chữ nhật. Hai mái trái úp cũng giống như hình thang cân. Nhìn tổng thể, cấu trúc mái nhà người Thái Trắng có mặt cắt hình chữ nhật gần vuông nên tạo thành bốn mái thẳng và gấp góc, người Thái gọi là “*tup lặt*”. Nhà người Thái trắng có hiên, trên đốc mái nhà không có *khau cút*. Theo tập quán, người Thái trắng bố trí định vị hướng nhà

<sup>2</sup> Ép là một loại giỏ nhỏ, đan bằng nan tre, luôn được phụ nữ Thái đeo bên mình lúc ra khỏi nhà.

theo hướng Đông Tây, đầu gối sơn, chân đạp thủy.

Những nét riêng trong kiến trúc nhà cổ truyền của người Thái đen và Thái trắng có thể nói lên rằng, nhà ở chính là một trong những sắc thái nổi bật của văn hóa dân tộc. Tuy nhiên, bản sắc văn hóa dân tộc không phải là cái nhất thành bất biến, trong bối cảnh chung hiện nay, ngôi nhà cổ truyền của người Thái đen và Thái trắng ở vùng Tây Bắc cũng đang biến đổi không ngừng tùy theo từng hoàn cảnh lịch sử cụ thể, tuy vẫn giữ cái nền tảng ban đầu, đó chính là quy luật kết hợp giữa truyền thống và đổi mới của văn hóa, của kiến trúc nhà sàn. Nhà người Thái đen và Thái trắng ngày nay không còn có sự khác biệt nhiều như trước đây nữa. *Khau cút* trên đốc mái nhà của người Thái đen, trước kia được quy định cho từng loại nhà và thân phận, địa vị trong xã hội, nhưng nay ai thích loại nào thì làm. Trong nhiều trường hợp, nhà của người Thái đen cũng làm cấu trúc hai mái trái phẳng và gấp góc (không khum khum mai rùa như trước đây) và có hiên quanh nhà như người Thái trắng.

Sự biến đổi trong cấu trúc mái nhà của người Thái có nguyên nhân quan trọng từ sự thay đổi của vật liệu lợp mái nhà. Xưa kia người Thái thường sử dụng các loại vật liệu lợp nhà như cỏ tranh, lá cọ, lá kê hoặc nứa vầu đập dập... Nhờ vậy, khi làm nhà, người Thái tạo được nét dáng vòm mềm mại ở hai trái. Ngày nay, các loại vật liệu đó hiếm dần và được thay thế bởi các loại vật liệu như ngói, tôn... Do tính chất của những loại vật liệu này mà nhà của người Thái Đen đang dần chuyển hướng sang làm mái trái phẳng như nhà của người Thái trắng. Tuy nhiên, để

giữ được cốt cách truyền thống, trong một số trường hợp cụ thể, họ vẫn còn gắn những *khau cút* có hoa văn trên đầu hồi nhà, tạo nên nét đẹp của ngôi nhà trong sự kết hợp giữa truyền thống và hiện đại.

### Kết luận

Việc nghiên cứu so sánh kiến trúc nhà cổ truyền của người Thái ở hai vùng Thanh Hóa và Tây Bắc từ những cứ liệu đã trình bày trên đây, chúng ta thấy ngôi nhà của người Thái ở Việt Nam vừa mang tính thống nhất tộc người, nhưng cũng thể hiện nét khác biệt giữa các vùng, các nhóm địa phương. Do đó, nhìn vào cấu trúc mái nhà sàn, ta có thể phân biệt kiểu nhà của từng nhóm, địa phương khác nhau.

Có nhiều nhân tố tác động và tạo nên sự thống nhất và đa dạng của các vùng văn hóa Thái ở Việt Nam. Tính thống nhất này là do người Thái có mẫu số chung một cốt cách văn hóa trong sự thích ứng với môi trường tự nhiên và môi trường xã hội do những đặc trưng văn hóa thống nhất của tộc người quy định. Theo truyền thống, người Thái ở nhà sàn mang một nét đẹp riêng như họ đã xác định trong câu tục ngữ “*Hươn mi hạn, quán mí xau*” (Nhà có gác, sàn có cột). Một nếp nhà sàn cổ truyền là một đơn vị không gian văn hóa chứa đựng một tế bào của xã hội nên người Thái mới gọi là “*chúa hươn*” (cộng đồng nhà). Đó có thể là một gia đình nhỏ gồm một cặp vợ chồng và con cái chưa đến tuổi trưởng thành, hoặc đó cũng có thể là một gia đình lớn gồm ba, bốn thế hệ cùng chung sống hòa thuận bên nhau.

Nét khác biệt và các sắc thái riêng trong kiến trúc nhà cổ truyền của người Thái ở hai vùng Thanh Hóa và Tây Bắc là thuộc

về lĩnh vực các sắc thái văn hóa địa phương và văn hóa vùng. Miền núi Thanh Hóa (cùng với miền núi Nghệ An) và Tây Bắc là hai địa phương, hai vùng văn hóa tiêu biểu của văn hóa Thái ở Việt Nam. Vùng Tây Bắc được coi là vùng trung tâm của văn hóa Thái ở Việt Nam, còn vùng miền núi Thanh Hóa và Nghệ An được coi là vùng ngoại vi trong quá trình phát triển lịch sử của người Thái ở Việt Nam. Vì vậy, trong quá trình phát triển của xã hội, dưới tác động ảnh hưởng của các nhân tố như hoàn cảnh lịch sử, giao lưu văn hóa, các yếu tố nội tại của văn hóa vùng... đã tạo nên sự ảnh hưởng tiếp thu và biến đổi trong kiến trúc nhà cổ truyền của người Thái. Kết quả cứ liệu khảo sát đã cho thấy là ở vùng miền núi Thanh Hóa, cấu trúc mái nhà của người Tày Dọ giống với nhà của người Mường ở Thanh Hóa, còn nhà của người Tày Mười vừa có nét giống nhà người Mường (hai mái chính dài) vừa có nét giống nhà của người Thái trắng ở Tây Bắc (hai mái trái không khum khum mai rùa). Người Thái ở Thanh Hóa sinh sống cộng cư, đan xen với người Mường từ lâu đời và giữa họ có mối quan hệ đoàn kết, gắn kết chặt chẽ lâu dài trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ đất nước ở vùng miền núi Thanh Hóa, nên giữa họ đã diễn ra quá trình giao lưu, hòa nhập về văn hóa khá sâu sắc trên nhiều lĩnh vực, kể cả văn hóa vật chất và tinh thần. Chính điều này đã dẫn tới một thực tế là bên cạnh nét thống nhất, kiến trúc nhà sàn của người Thái ở Thanh Hóa đã có sự ảnh hưởng, tiếp thu của người Mường tạo nên sắc thái địa phương cho dù các nhóm Thái ở Thanh Hóa và người Thái ở Tây Bắc là có quan hệ với nhau về nguồn gốc lịch sử và văn hóa.

Một điểm cũng cần lưu ý là qua khảo sát thực tế, nếu đặt trong mối liên hệ với các nhóm Thái đen và Thái trắng ở Tây Bắc thì nhóm Tày Dọ ở Thanh Hóa tự nhận là Thái trắng, nhưng giữa nhóm này và người Thái đen ở Tây Bắc lại có nét giống nhau nếu nhìn ở phương diện cấu trúc mái nhà sàn cổ truyền, chỉ có một điểm khác là trên đốc mái nhà người Thái ở Thanh Hóa không có *khau cút*. Còn nhóm Tày Mười ở Thanh Hóa tự nhận là Thái đen thì cấu trúc mái nhà sàn cổ truyền của họ và người Thái trắng ở Tây Bắc lại có nét giống nhau. Tuy nhiên, trong xu thế hiện nay, sự khác biệt này đang ngày càng nhạt nhòa dần bởi người Tày Dọ và Tày Mười đều có sự ảnh hưởng, tiếp thu lẫn nhau và cả người Thái đen và Thái trắng ở vùng Tây Bắc cũng vậy. Trước sự phát triển của xã hội, người Thái đã áp dụng những kỹ thuật để tự cải tiến và thay đổi kiến trúc nhà ở của mình. Sự cải tiến và thay đổi ấy phần lớn do ảnh hưởng bởi cách làm nhà của người Kinh. Nhà sàn được kê và lắp ghép theo phương pháp nổi dầm cột bằng mộng thắt. Sự giao thoa văn hóa này đã và đang tạo nên các kiểu nhà sàn mới, đẹp và bền vững. Có thể nói, hiện nay, người Thái đang trong quá trình chọn lọc nhà ở hợp với không gian văn hóa truyền thống của dân tộc mình và thích ứng với điều kiện xã hội hiện đại. Dẫu vậy, kiến trúc nhà sàn cổ truyền của người Thái vẫn mang một nét đẹp riêng biệt, đơn sơ nhưng không kém phần bền vững sang trọng. Cả ngôi nhà sàn khá đồ sộ như nhà của các gia đình Thái quý tộc xưa mà không phải dùng đến một mẫu sắt nhỏ nào trong thiết kế xây dựng. Thay vào những cái đinh là cả một hệ thống dây chằng, buộc công phu và tinh xảo bằng lạt, giang, mây... Khi làm nhà, để nối các cột kèo, người Kinh lắp mộng

thất, còn người Thái sử dụng những đòn dầm xuyên suốt qua các lỗ đục của các cột. Kiểu kiến trúc nhìn có vẻ đơn sơ, nhưng lại chắc chắn bền vững đến không ngờ; nó đủ lực để chống nắng, mưa, gió bão và đặc biệt là động đất như hiện nay. Trong thực tế, có những nếp nhà sàn tồn tại hàng trăm năm mà vẫn bền đẹp. Vì thế, trong sự hiểu biết về văn hóa Thái ở Việt Nam, bên cạnh những cái chung thống nhất, cần phải hiểu thêm về cái riêng, trong đó có kiến trúc nhà cổ truyền của người Thái ở các địa phương, các vùng khác nhau là thực sự cần thiết để không làm mất đi nét đẹp bền vững đậm bản văn hóa của ngôi nhà sàn dân tộc Thái trong bối cảnh hiện nay.

#### **Tài liệu tham khảo**

1. Vi Văn An (1998), “Về tên gọi và lịch sử cư trú của các nhóm Thái ở miền Tây Nghệ An”, trong: *Văn hóa và lịch sử người Thái ở Việt Nam*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội, tr. 318-331.
2. Vi Văn Biên (2006), *Văn hóa vật chất của người Thái ở Thanh Hóa và Nghệ An*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
3. Vũ Trường Giang (2010), “Trở lại vấn đề tên gọi và lịch sử cư trú của người Thái ở miền núi Thanh Hóa”, *Tạp chí Khoa học xã hội miền Trung*, Số 2, tr. 58-65.
4. Lê Sỹ Giáo (1979), “Vài nét về quan hệ xã hội của người Thái ở Mường Ca Da (Thanh Hóa)”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 2, tr. 63-69.
5. Lê Sỹ Giáo (1995), “Lần tìm cội nguồn lịch sử người Thái Thanh Hóa”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 2, tr. 13-16.
6. Lê Sỹ Giáo (2000), “Sự phân loại các nhóm Thái ở các tỉnh Thanh Hóa và Nghệ An”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 1, tr. 22-25.
7. Hà Nam Ninh (2002), “Tìm hiểu về các dòng họ người Thái Thanh Hóa”, trong: *Văn hóa và lịch sử các dân tộc trong nhóm ngôn ngữ Thái Việt Nam*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội, tr. 118-133.
8. Đặng Thị Oanh (2004), *Cầu thang nhà sàn người Thái ở Điện Biên*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
9. Cao Văn Thanh và cộng sự (2004), *Bảo tồn và phát triển văn hóa truyền thống của người Thái vùng núi Bắc Trung bộ hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
10. Nguyễn Duy Thiệu (2002), “Kiến trúc nhà sàn dân tộc Thái”, trong: *Văn hóa và lịch sử các dân tộc trong nhóm ngôn ngữ Thái Việt Nam*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội, tr. 275-284.
11. Ngô Đức Thịnh, Chu Thái Sơn (1986), “Một số vấn đề nghiên cứu về nhà ở của các dân tộc (Đặc trưng và mối quan hệ văn hóa)”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 3, tr. 75-87.
12. Cầm Trọng (1978), *Người Thái ở Tây Bắc Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.